

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG**


*Báo cáo tài chính*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

*đã được kiểm toán*



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
**AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)**

A member of  International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers  
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông  
Số 129 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. HCM

---

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	5 - 40
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 40



Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông  
Số 129 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. HCM

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 22/12/2010.

Trụ sở chính của Công ty: Số 129 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. HCM.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Quang Mẫn	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó chủ tịch thứ nhất	
Ông Võ Nguyên Khởi	Phó chủ tịch thường trực	
Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên	
Ông Huỳnh Anh Tùng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Việt Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/04/2012
Bà Bùi Thị Kim Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/04/2012

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Nguyên Khởi	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Khoa	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Nguyễn Thị Bích Trang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Minh Giang	Thành viên
Ông Phạm Như Bách	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.









Số: 136./2013/BC.KTTC-AASC.HCM

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được lập ngày 27 tháng 03 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 5 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

- Số dư nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 lớn hơn tài sản ngắn hạn 23.984.580.904 đồng, số lỗ lũy kế 2 năm liên tục là 34,21 tỷ đồng, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh 12 đến thời hạn thanh toán được gia hạn trả nợ vay, các nội dung này đều có khả năng ảnh hưởng đến tính phù hợp của việc giả định về hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc việc chuyển nhượng một phần tài sản của Công ty tại Chi nhánh Bình Dương, phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới và việc tiếp tục hỗ trợ từ phía các cổ đông của Công ty.
- Về khả năng thu hồi khoản nợ phải thu tiền bán hàng cho Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực số tiền 207.170.342.447 đồng chiếm tỷ trọng 80,6% trên tổng số dư nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2012 của Công ty. Theo báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực, số dư nợ ngắn hạn đang vượt quá tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 số tiền là 167,34 tỷ đồng, điều này có thể ảnh hưởng tới khả năng thanh toán hiện hành và khả năng hoạt động liên tục của Công ty này, qua đó cũng có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



**Bùi Văn Thảo**  
Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV  
Tp.HCM, ngày 05 tháng 04 năm 2013

**Lê Kim Yên**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0550/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>339.668.287.698</b>	<b>446.882.957.263</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>7.385.949.332</b>	<b>2.450.358.251</b>
111	1. Tiền		7.385.949.332	2.450.358.251
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>255.684.683.611</b>	<b>245.425.637.364</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		257.068.351.370	225.734.444.248
132	2. Trả trước cho người bán		3.152.542.151	18.588.272.013
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.732.169.630	1.360.871.030
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(6.268.379.540)	(257.949.927)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	6	<b>68.687.301.639</b>	<b>185.470.993.779</b>
141	1. Hàng tồn kho		70.140.624.841	186.699.198.218
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.453.323.202)	(1.228.204.439)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.910.353.116</b>	<b>13.535.967.869</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	707.237.351	2.382.400.869
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.357.017.346	9.205.514.451
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	339.954.496	339.954.496
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	3.506.143.923	1.608.098.053
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>391.360.951.038</b>	<b>359.821.229.130</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>191.489.535.631</b>	<b>179.763.441.805</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	170.698.320.792	156.775.715.133
222	- Nguyên giá		262.731.058.140	233.277.237.880
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(92.032.737.348)	(76.501.522.747)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	-	-
225	- Nguyên giá		-	204.347.896
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(204.347.896)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	30.965.286	41.581.950
228	- Nguyên giá		175.482.723	175.482.723
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(144.517.437)	(133.900.773)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	20.760.249.553	22.946.144.722
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	14	<b>126.811.703.305</b>	<b>110.990.121.743</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		88.547.349.210	73.705.949.210
258	3. Đầu tư dài hạn khác		45.305.578.754	52.270.158.730
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.041.224.659)	(14.985.986.197)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>73.059.712.102</b>	<b>69.067.665.582</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	73.059.712.102	69.067.665.582
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>731.029.238.736</b>	<b>806.704.186.393</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>476.527.004.135</b>	<b>529.200.326.012</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>363.652.868.602</b>	<b>423.730.134.396</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	279.765.986.483	361.344.171.822
312	2. Phải trả người bán		36.308.121.723	52.108.902.978
313	3. Người mua trả tiền trước		21.128.086.390	4.669.313.326
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.771.903.758	1.630.674.135
315	5. Phải trả người lao động		901.714.687	1.214.907.082
316	6. Chi phí phải trả	18	17.455.373.153	276.479.531
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	19	1.335.087.952	1.863.384.683
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(13.405.544)	622.300.839
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>112.874.135.533</b>	<b>105.470.191.616</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	20	7.196.613.000	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	21	105.677.522.533	105.470.191.616
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>254.502.234.601</b>	<b>277.503.860.381</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>254.502.234.601</b>	<b>277.503.860.381</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		255.227.670.000	255.227.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.254.265.000	3.254.265.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.967.606.986	2.967.606.986
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(1.284.541.661)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		8.366.685.354	8.366.685.354
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.822.012.678	5.822.012.678
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		155.844.658	155.844.658
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.291.850.076)	2.994.317.366
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>731.029.238.736</b>	<b>806.704.186.393</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.109.945.576	1.260.931.782
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		29.391,28	11.972,25
- Đồng Euro (EUR)		120,00	120,00



**Bùi Văn Thủy**  
Kế toán trưởng



**Bùi Quang Mẫn**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2013



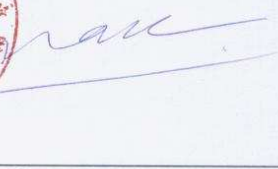
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	612.953.963.935	978.967.781.521
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	305.222.029	500.354.024
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	612.648.741.906	978.467.427.497
11	4. Giá vốn hàng bán	26	552.887.169.068	886.994.448.252
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.761.572.839	91.472.979.245
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	4.589.142.194	16.935.420.126
22	7. Chi phí tài chính	28	51.655.275.079	98.614.520.721
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>57.809.113.929</i>	<i>66.190.020.274</i>
24	8. Chi phí bán hàng	29	8.262.763.055	10.648.105.343
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	29.886.805.142	29.258.002.769
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(25.454.128.244)	(30.112.229.462)
31	11. Thu nhập khác	31	4.294.511.737	32.438.926.270
32	12. Chi phí khác	32	1.360.468.264	11.720.286.142
40	13. Lợi nhuận khác		2.934.043.473	20.718.640.128
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(22.520.084.771)	(9.393.589.334)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	1.766.082.671	535.294.833
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(24.286.167.442)	(9.928.884.167)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(952)	(389)



Bùi Văn Thủy  
Kế toán trưởng





Bùi Quang Mẫn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2013

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		665.358.269.366	804.977.657.441
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(489.396.666.898)		(1.108.407.193.594)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(17.930.777.463)		(18.777.493.222)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(33.253.360.241)		(50.920.281.081)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(446.599.132)		(515.729.131)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	12.052.395.413		1.139.136.792.752
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(16.216.704.966)		(783.639.362.251)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>120.166.556.079</b>	<b>(18.145.609.086)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(30.643.481.000)		(138.006.692)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	859.682.176		-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.299.789.976		-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(10.589.610.000)		(19.411.120.770)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	413.000.000		-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.801.481.294		779.936.435
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(33.859.137.554)</b>	<b>(18.769.191.027)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	282.163.524.819		881.071.978.030
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(363.534.379.241)		(860.992.331.026)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(81.370.854.422)</b>	<b>20.079.647.004</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>4.936.564.103</b>	<b>(16.835.153.109)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>2.450.358.251</b>	<b>19.285.511.360</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(973.022)	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		<b>7.385.949.332</b>	<b>2.450.358.251</b>



Bùi Văn Thủy  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Mẫn

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2013



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### 1 THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 22/12/2010.

Trụ sở chính của Công ty: Số 129 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. HCM.

Vốn điều lệ của Công ty là 255.227.670.000 đồng, tương đương 25.522.767 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

#### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
- Chi nhánh Nhà sách ME TRO	129 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.HCM	Buôn bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, bán lẻ đồ chơi, băng đĩa hình
- Chi nhánh Nhà sách TRI	158ED Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	Buôn bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, bán lẻ đồ chơi, băng đĩa hình
- Chi nhánh 129 Âu Cơ	129 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.HCM	In bao bì, mẫu mã
- Chi nhánh Bình Dương	KCN Sóng Thần, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ Giấy, cho thuê nhà xưởng, in gia công bao bì

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 14.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy. Các sản phẩm khác từ giấy;
- Vật tư, thiết bị ngành giấy;
- Xuất nhập khẩu: các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy;
- Dịch vụ: Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, gia công, sửa chữa thiết bị, tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định;
- In bao bì;
- Gia công, sản xuất bao bì giấy, nhôm, nhựa (trừ tái chế phế thải giấy, kim loại, nhựa);
- Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, đầu lọc, màng nhôm, màng nhựa;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- In nhãn mác, catalog, tờ rơi, tờ gấp giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hướng dẫn sử dụng thiết bị, công cụ và sản phẩm tiêu dùng; biểu mẫu, văn hóa phẩm và giấy tờ giao dịch hành chính của các doanh nghiệp, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội;
- Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (không tái chế phế thải);
- Mua bán: sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in, hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khi công nghiệp, khu dân cư;
- Môi giới bất động sản;

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh lữ hành du lịch nội địa;
- Đào tạo nghề;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông;
- Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở), giáo dục văn hóa nghệ thuật (trừ hoạt động vũ trường);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **2.3 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

**Giá trị sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.6 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6-25 năm
- Máy móc, thiết bị	5-12 năm
- Phương tiện vận tải	6 năm
- Thiết bị văn phòng	3 năm
- Tài sản cố định vô hình	3 năm
- Phần mềm máy vi tính	3 năm

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

## 2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



### 2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 2.12 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

### 2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

#### 2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Từ năm 2012 Công ty thay đổi chính sách kế toán đối với các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản/tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Việc xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được thay đổi so với năm 2011 như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư
Các khoản nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Đối với số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ năm 2011 trở về trước chưa phân bổ hết vào chi phí trong năm thì số dư còn lại được phân bổ tiếp vào chi phí tài chính của các năm tiếp theo, thời gian phân bổ theo số năm còn lại tương ứng nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đó.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Việc thay đổi chính sách kế toán này không áp dụng hồi tố cho Báo cáo tài chính năm 2011 trở về trước.

#### 2.15 . Ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.17 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp*

Giấy chứng nhận đầu tư của Chi nhánh Bình Dương được cấp bởi Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương theo đó Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, do đó Chi nhánh được hưởng ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do đầu tư vào lĩnh vực thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 7 của Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000299 ngày 22/10/2007 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp thì:

- Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 (bảy) năm tiếp theo.
- Chi nhánh được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trong 12 (mười hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế;

Năm 2012 là năm thứ hai Chi nhánh áp dụng điều khoản hưởng miễn giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	253.299.316	95.018.130
Tiền gửi ngân hàng	7.132.650.016	2.355.340.121
	<b><u>7.385.949.332</u></b>	<b><u>2.450.358.251</u></b>

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu lãi bán hàng trả chậm	1.230.477.690	1.006.104.282
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	817.985.560	377.506.000
- Công ty Cổ phần in Khánh Hội	-	234.118.867
- Công ty CP chè Cầu Đất - Đà Lạt	-	15.764.785
- Công ty CP chè Rồng Vàng	412.492.130	378.714.630
Phải thu về chỉ hệ Công ty CP ĐTPPT TM Ấn Tượng Việt	72.084.444	72.084.444
Phải thu công đoàn về cho mượn tiền mua Cổ phiếu	106.539.000	106.539.000
Phải thu BHXH	-	19.007.198
Phải thu Ngân hàng Công thương do tính dư lãi vay	-	14.224.528
Phải thu lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	120.000.000	-
Phải thu về cho Công ty CP TM Toàn Lực mượn hàng	65.861.872	-
Phải thu khác	137.206.624	142.911.578
	<b><u>1.732.169.630</u></b>	<b><u>1.360.871.030</u></b>

**5 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự phòng khoản nợ phải thu khách hàng	(6.268.379.540)	(257.949.927)
	<b><u>(6.268.379.540)</u></b>	<b><u>(257.949.927)</u></b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.639.387.023	33.247.674.026
Công cụ, dụng cụ	144.468.189	189.323.516
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	99.809.567	10.128.454.217
Thành phẩm	4.414.485.060	12.636.784.936
Hàng hoá	40.842.475.002	130.496.961.523
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.453.323.202)	(1.228.204.439)
	<b><u>68.687.301.639</u></b>	<b><u>185.470.993.779</u></b>



**7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản	139.782.049	26.060.830
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	566.081.439	2.170.961.214
Phí bảo hiểm xe ô tô	1.373.863	-
Khác	-	185.378.825
	<u><b>707.237.351</b></u>	<u><b>2.382.400.869</b></u>

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	339.954.496	339.954.496
	<u><b>339.954.496</b></u>	<u><b>339.954.496</b></u>

**9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	35.556.000	529.346.295
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.175.762.098	288.669.777
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.294.825.825	790.081.981
	<u><b>3.506.143.923</b></u>	<u><b>1.608.098.053</b></u>

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	100.903.173.589	116.570.948.183	14.418.584.034	1.384.532.074	233.277.237.880
Số tăng trong năm	37.244.917	30.674.211.023	-	202.681.000	30.914.136.940
- Mua sắm mới	-	30.440.800.000	-	202.681.000	30.643.481.000
- Đầu tư XD CB	37.244.917	29.063.127	-	-	66.308.044
- Từ TS thuê tài chính	-	204.347.896	-	-	204.347.896
Số giảm trong năm	-	(1.019.503.499)	(330.000.000)	(110.813.181)	(1.460.316.680)
- Thanh lý TSCĐ	-	(1.019.503.499)	(330.000.000)	(110.813.181)	(1.460.316.680)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>100.940.418.506</b>	<b>146.225.655.707</b>	<b>14.088.584.034</b>	<b>1.476.399.893</b>	<b>262.731.058.140</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	20.819.384.081	48.612.320.872	6.075.093.944	994.723.850	76.501.522.747
Số tăng trong năm	5.190.322.994	9.526.187.715	1.459.195.821	144.229.245	16.319.935.775
- Khấu hao trong năm	5.190.322.994	9.321.839.819	1.459.195.821	144.229.245	16.115.587.879
- Từ TS thuê tài chính	-	204.347.896	-	-	204.347.896
Số giảm trong năm	-	(412.549.034)	(330.000.000)	(46.172.140)	(788.721.174)
- Thanh lý tài sản	-	(412.549.034)	(330.000.000)	(46.172.140)	(788.721.174)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>26.009.707.075</b>	<b>57.725.959.553</b>	<b>7.204.289.765</b>	<b>1.092.780.955</b>	<b>92.032.737.348</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	80.083.789.508	67.958.627.311	8.343.490.090	389.808.224	156.775.715.133
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>74.930.711.431</b>	<b>88.499.696.154</b>	<b>6.884.294.269</b>	<b>383.618.938</b>	<b>170.698.320.792</b>

Trong đó

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 105.340.545.066
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 47.590.648.245

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	204.347.896	204.347.896
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	(204.347.896)	(204.347.896)
- Tăng tài sản cố định	(204.347.896)	(204.347.896)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	204.347.896	204.347.896
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	(204.347.896)	(204.347.896)
- Tăng tài sản cố định	(204.347.896)	(204.347.896)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	175.482.723	175.482.723
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>175.482.723</b>	<b>175.482.723</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	133.900.773	133.900.773
Số tăng trong năm	10.616.664	10.616.664
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>10.616.664</i>	<i>10.616.664</i>
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>144.517.437</b>	<b>144.517.437</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	41.581.950	41.581.950
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>30.965.286</b>	<b>30.965.286</b>

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Chi phí mua máy in Offset 4	57.057.719	57.057.719
- Chi phí sửa chữa máy in ống đồng I	8.932.800	8.932.800
- Xưởng in ống đồng I	-	2.170.073.794
- Xưởng in ống đồng III	-	11.321.375
- Container	-	4.500.000
- Hệ thống thoát nước khu vực II	4.972.040.627	4.972.040.627
- Công trình nhà chữ đình	1.617.700.000	1.617.700.000
- Công trình nhà gỗ	11.728.300.000	11.728.300.000
- Lãi vay vốn hoá	2.322.618.407	2.322.618.407
- Chi phí khác	53.600.000	53.600.000
	<b>20.760.249.553</b>	<b>22.946.144.722</b>

14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>88.547.349.210</b>	<b>73.705.949.210</b>
- Công ty TNHH Hệ thống Giao nhận Vận chuyển Tỉnh Thông <sup>(1)</sup>	1.331.120.770	1.331.120.770
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Tổng hợp Hưng Phú	13.880.000.000	13.880.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông <sup>(2)</sup>	33.745.517.000	33.745.517.000
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	4.749.311.440	4.749.311.440
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Giáo dục Viễn Đông	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty CP Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	14.841.400.000	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>45.305.578.754</b>	<b>52.270.158.730</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>(7.041.224.659)</b>	<b>(14.985.986.197)</b>
	<b>126.811.703.305</b>	<b>110.990.121.743</b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Quyền kiểm soát	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Văn Hóa Tổng hợp Hưng Phú	Thành phố Hồ Chí Minh	36,43%	36,43%	Kinh doanh dịch vụ văn hóa
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	33,00%	33,00%	Kinh doanh trường học, thương mại
Công ty Cổ phần Chè Minh Rông	Tỉnh Lâm Đồng	27,31%	27,31%	Kinh doanh chè
Công ty Cổ phần Văn Hóa Giáo dục Viễn Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	Kinh doanh DV văn hóa, giáo dục
Công ty CP Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	TP. Cần Thơ	32,98%	32,98%	Kinh doanh sách và dịch vụ văn hóa

<sup>(1)</sup> Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Viễn Đông (VID) và Công ty TNHH Hệ thống giao nhận vận chuyển Tinh Thông cùng ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/MFL-Metrobook/2010 ngày 05/11/2010, phụ lục số 01/2011 ngày 01/04/2011, phụ lục số 02/2011 ngày 18/05/2011 cùng hợp tác kinh doanh khu vui chơi thiếu nhi tại Metrobook tại địa chỉ 129 Âu Cơ, Quận Tân Bình với tên gọi là KIDSYARD. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 3-5 năm liên tục kể từ ngày khai trương dịch vụ, Tổng vốn góp cho dự án này là 3.234.024.693 đồng, trong đó VID góp 75% (1.345.518.520 đồng bằng tiền và 1.080.000.000 đồng là tiền cho thuê mặt bằng 03 năm), 25% còn lại do Công ty TNHH Hệ thống giao nhận vận chuyển Tinh Thông góp, lợi tức của hoạt động liên doanh chia theo tỷ lệ vốn góp hợp tác.

Công ty TNHH Hệ thống giao nhận vận chuyển Tinh Thông có trách nhiệm điều hành kinh doanh dự án, thực hiện nghĩa vụ thuế, lập báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm, lợi tức của hợp đồng liên doanh được chia theo tỷ lệ vốn góp trên hợp đồng.

<sup>(2)</sup>Số lượng 2.000.000 cổ phiếu đang được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng HSBC

**Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	SL cổ phiếu	SL cổ phiếu	VND	VND
<b>Cổ phiếu</b>			<b>45.305.578.754</b>	<b>49.970.368.754</b>
Công ty Cổ phần Mai Lan <sup>(1)</sup>	728.185	661.986	5.910.590.000	5.910.590.000
Công ty Phát hành Sách Đồng Nai <sup>(2)</sup>	-	40.000	-	413.000.000
Công ty CP Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô <sup>(3)</sup>	-	445.179	-	4.451.790.000
Công ty Cổ phần Thành Ngọc	69.159	69.159	754.464.000	754.464.000
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	1.635.000	1.635.000	16.350.000.000	16.350.000.000
Công ty Cổ phần in Khánh Hội	150.000	150.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Ấn Tượng Việt	1.875.972	1.875.972	18.579.724.754	18.579.724.754
Công ty Cổ phần TMDV Văn Hóa Thanh Trúc	150.000	150.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Cty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất <sup>(1)</sup>	75	30	10.800.000	10.800.000
Công ty Cổ phần sữa Đồng Nai - Bảo Lộc	30.000	30.000	300.000.000	300.000.000
Trường THCS Việt Mỹ	20.000	20.000	200.000.000	200.000.000
Trường THPT Việt Mỹ Anh	20.000	-	200.000.000	-
<b>Cho vay dài hạn</b>			<b>-</b>	<b>2.299.789.976</b>
Công ty Cổ phần Chè Minh Rông			<b>-</b>	<b>2.299.789.976</b>
			<b>45.305.578.754</b>	<b>52.270.158.730</b>



- <sup>(1)</sup> Số lượng cổ phiếu tăng là do chia cổ phiếu thưởng trong năm
- <sup>(2)</sup> Trong năm Công ty thực hiện chuyển nhượng số lượng 40.000 cổ phần với giá chuyển nhượng 10.325 đồng/Cổ phần cho Bà Trần Thị Kim Liên ngày 16/11/2012
- <sup>(3)</sup> Trong năm Công ty đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô 10.389.610.000 đồng, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu của VID tại Công ty này lên 32,98%, Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô trở thành công ty liên kết của Công ty.

*Ghi chú:* Số lượng cổ phiếu của đang được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2 cho hợp đồng tín dụng hạn mức số 521A/2012/HĐ ngày 02/07/2012 gồm:

Tên Cổ phiếu của các công ty:	Số lượng Cổ phiếu cầm cố
Công ty Cổ phần Mai Lan	591.059
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	494.552
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	224.300

**Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ sở hữu (1)	Vốn CSH theo BCTC tại ngày cuối năm <sup>(1)</sup>	Giá trị đầu tư (3)	Dự phòng tồn thất
		(2)		(4) = (2) x (1)-(3)
Công ty CP Văn hoá Tổng hợp Hưng Phú	36,43%	27.093.248.205	13.880.000.000	(4.009.929.679)
Công ty Cổ phần TMDV Văn Hóa Thanh Trúc	12,50%	8.694.607.241	1.500.000.000	(413.174.095)
Công ty CP Văn hoá Giáo dục Viễn Đông	40,00%	47.026.122.774	20.000.000.000	(1.189.550.890)
Công ty Cổ phần in Khánh Hội	18,75%	498.282.503	1.500.000.000	(1.406.572.031)
Trường THPT Việt Mỹ Anh	10,00%	1.927.324.297	200.000.000	(7.267.570)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Ấn Tượng Việt	18,85%	98.501.568.691	18.579.724.754	(14.730.394)
				<b>(7.041.224.659)</b>

<sup>(1)</sup> Vốn chủ sở hữu theo Báo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 chưa được kiểm toán.

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu năm	69.067.665.582	2.364.022.337
Số tăng trong năm	8.521.508.671	3.507.160.507
Tăng khác	-	68.196.450.509
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(4.529.462.151)	(4.999.967.771)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>73.059.712.102</b>	<b>69.067.665.582</b>

**Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí phụ tùng, sửa chữa lớn	2.856.810.419	1.282.286.856
Chi phí mua công cụ, dụng cụ	2.691.876.129	2.272.482.900
Chi phí chi dời, lắp đặt máy in ống đồng 1 nhận điều chuyển nội bộ từ VP Công ty	1.817.200.344	
Chi phí sửa chữa	68.296.852	259.059.003
Tiền thuê đất trả trước <sup>(1)</sup>	64.857.777.349	65.177.458.740
Chi phí trả trước dài hạn khác	767.751.009	76.378.083
	<b>73.059.712.102</b>	<b>69.067.665.582</b>

<sup>(1)</sup> Đây là khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 118.384,2 m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số 42/HĐTD/ST3 ngày 28/11/2007, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28/01/2008 và Hợp đồng thuê đất số 69/HĐTD/ST3 ngày 16/11/2010 giữa Công ty Cổ phần Giấy Viễn Đông (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông) và Công ty Cổ phần Đại Nam, thời hạn thuê tính từ ngày 29 tháng 05 năm 2007 đến hết tháng 12 năm 2055 với mục đích xây dựng nhà xưởng và các công trình kiến trúc phục vụ sản xuất, đơn giá thuê trước thuế là 36 USD/m<sup>2</sup>. Tài sản này đang được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Công thương VN chi nhánh 12

**16 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>279.584.356.483</b>	<b>361.344.171.822</b>
- Vay ngân hàng	279.584.356.483	361.344.171.822
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>181.630.000</b>	-
	<b>279.765.986.483</b>	<b>361.344.171.822</b>

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2012 USD	01/01/2012 USD	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Vay ngân hàng</b>			<b>279.584.356.483</b>	<b>361.344.171.822</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam Chi nhánh 12 <sup>(1)</sup>	-	-	212.689.372.589	243.114.829.687
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam Chi nhánh 12 - (USD)	-	-	-	2.005.736.400
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II <sup>(2)</sup>	-	-	39.799.464.651	34.778.900.144
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (VND)	-	-	-	6.027.884.741
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam <sup>(3)</sup>	1.087.775,99	1.962.256,88	22.625.740.592	40.869.886.297
- Ngân hàng HSBC <sup>(4)</sup>	214.789,94	1.658.677,48	4.469.778.651	34.546.934.553
			<b>279.584.356.483</b>	<b>361.344.171.822</b>



**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2012**

(1) Hợp đồng tín dụng số 06/HDTD ngày 01/06/2012 và hợp đồng sửa đổi bổ sung trong tháng 8 năm 2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 245.000.000.000 đồng, bao gồm VND và ngoại tệ tương đương
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: từ 02/06/2012 đến 30/05/2013
- Thời hạn cho vay từng khế ước : tối đa không quá 5 tháng;
- Lãi suất cho vay: 12,5% đến 13,5%;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản hữu hình, Quyền sử dụng đất theo hình thức thuê đất khu công nghiệp và tài sản gắn liền trên đất của Chi nhánh Bình Dương tại KCN Sóng thần 3 với tổng diện tích 118.384,2 m2, Quyền sử dụng đất nông nghiệp của bên thứ 3 với diện tích 3015 m2 thuộc thửa 512, 558 tại xã Tân Xuân, huyện Hóc môn TP. HCM.
- Số dư nợ vay phục vụ cho hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh Bình Dương là 23.413.128.550 đồng (số đầu năm là 31.566.117.111 đồng).

(2) Hợp đồng tín dụng số 521A/2012/HĐ ngày 02/07/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn hợp đồng hạn mức: đến 30/06/2013
- Thời hạn cho vay từng khế ước: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 13%/năm đến 18%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng toàn bộ số dư tiền gửi thanh toán, các khoản thu theo hợp đồng kinh tế, xuất khẩu và tiêu thụ hàng hóa.

Thế chấp tài sản cố định hữu hình, thế chấp tài sản của bên thứ 3 là số lượng 606.761 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chè Lâm Đông tương ứng 6.067.610.000 đồng của Bà Nguyễn Thị Thu, số lượng 1.309.911 cổ phiếu của các khoản đầu tư dài hạn của Công ty.

(3) Hợp đồng tín dụng số 10/2012/10K/HDHMTD/TCB-DSG ngày 23/05/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh các mặt hàng giấy;
- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 6,9%/năm đến 8,1%/năm;
- Tài sản đảm bảo là hàng hoá các loại hình thành theo LC hoặc hàng hoá có sẵn trong kho

(4) Thư đề nghị gia hạn cung cấp tiện ích chung số VNM 111245 ngày 10/08/2011

- Hạn mức tín dụng: 2.950.000 USD;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay từng khế ước : 3 tháng;
- Lãi suất cho vay: 7,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp hàng hóa trong kho với trị giá 2.500.000 USD, Cẩm cổ 2.000.000 cổ phiếu công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông với tổng mệnh giá là 20 tỷ VND, thế chấp tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất trên diện tích 192m2 của Vương Thuận và Nguyễn Thị Phương Hiếu tại địa chỉ số 21 đường số 3, Khu dân cư Nam Long, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP.HCM.

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	4.667.871.606	220.966.196
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	270.727.276	1.265.262.874
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.328.045.321	8.561.782
Thuế Thu nhập cá nhân	105.259.555	135.883.283
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	400.000.000	-
	<b>6.771.903.758</b>	<b>1.630.674.135</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện	-	32.021.665
Trích trước lãi tiền vay phải trả	17.359.140.688	-
Trích trước tiền com	76.071.500	224.394.067
Trích trước tiền chi phí gia công ngoài	20.160.965	20.063.799
	<b>17.455.373.153</b>	<b>276.479.531</b>

**19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	34.260.900
Kinh phí công đoàn	308.132.433	318.672.469
Bảo hiểm xã hội	185.218.463	411.672.584
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	735.000.000	545.000.000
Phải trả Công ty CP Văn hóa Tổng hợp Hưng phú cho mượn vốn	-	233.384.000
Phải trả khác	106.737.056	320.394.730
	<b>1.335.087.952</b>	<b>1.863.384.683</b>

**20 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả lãi vay <sup>(1)</sup>	7.196.613.000	-
	<b>7.196.613.000</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Đây là khoản lãi vay phải trả của khoản vay dài hạn được Ngân hàng TMCP Công thương VN Chi nhánh 12 chấp thuận gia hạn cho Công ty, Công ty sẽ phải thanh toán khoản tiền lãi vay trong thời gian từ tháng 1/2014 đến tháng 12 năm 2014 theo hợp đồng sửa đổi bổ sung của hợp đồng tín dụng số 98/HĐTD ngày 28/09/2007 và hợp đồng tín dụng số 131/HĐTD ngày 20/07/2010 ký tháng 8 năm 2012.

**21 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>105.677.522.533</b>	<b>105.470.191.616</b>
- Vay ngân hàng	105.677.522.533	105.470.191.616
	<b>105.677.522.533</b>	<b>105.470.191.616</b>



**Chi tiết vay dài hạn**

	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	USD	USD	VND	VND
Vay ngân hàng (*)			105.677.522.533	105.470.191.616
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam Chi nhánh 12	-	-	105.677.522.533	82.116.841.396
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam Chi nhánh 12	1.047.647,85	1.121.247,85	-	23.353.350.220
			<b>105.677.522.533</b>	<b>105.470.191.616</b>

**(\*) Thông tin bổ sung khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2012**

Hợp đồng và bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc cuối năm VND	Đến hạn trả trong năm tới VND	Mục đích sử dụng vốn vay VND
Hợp đồng 98/HĐTD ngày 28 tháng 09 năm 2007 <sup>(1)</sup>	15%/năm	138 tháng	46.829.219.384	80.000.000	Đầu tư di dời, mở rộng SXKD tại KCN Sóng Thần, tỉnh Bình Dương
Hợp đồng 98/HĐTD ngày 28 tháng 09 năm 2007 <sup>(1)</sup>	9%/năm	138 tháng	21.848.419.998	41.630.000	Đầu tư di dời, mở rộng SXKD tại KCN Sóng Thần, tỉnh Bình Dương
Hợp đồng số 131/HĐTD ngày 20 tháng 07 năm 2010 <sup>(2)</sup>	từ 14,5%/năm đến 19% năm	126 tháng	30.659.022.012	60.000.000	Đầu tư máy in Óng đồng hiệu KOMORI CHAMPION
Hợp đồng số 06/HĐTD ngày 01/06/2012 <sup>(3)</sup>	12,5%/năm	17 tháng	6.522.491.139	-	Bổ sung vốn lưu động
			<b>105.859.152.533</b>	<b>181.630.000</b>	

<sup>(1)</sup> Các thông tin bổ sung

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất tại khu Công nghiệp Sóng Thần trị giá 164.000.000.000 đồng.

Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung tháng 8 năm 2012 về hợp đồng tín dụng số 98/HĐTD ngày 28/09/2007, các nội dung thay đổi như sau: thời hạn cho vay của hợp đồng được sửa đổi:

Thời hạn cho vay: 138 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời hạn cũ là 96 tháng);

Trong đó:

- Thời gian ân hạn: 18 tháng;
- Thời gian trả nợ: 120 tháng (bao gồm thời gian gia hạn nợ là 42 tháng)

<sup>(2)</sup> Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 1 máy in óng đồng 9 màu trị giá 60 tỷ đồng;

Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung tháng 8 năm 2012 về hợp đồng tín dụng số 131/HĐTD ngày 20/07/2010, các nội dung thay đổi như sau: thời hạn cho vay của hợp đồng được sửa đổi:

Thời hạn cho vay: 126 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời hạn cũ là 84 tháng);

Trong đó:

- Thời gian ân hạn: 07 tháng;
- Thời gian trả nợ: 119 tháng (bao gồm thời gian gia hạn nợ là 42 tháng)

<sup>(3)</sup> Đây là giá trị các khế ước vay ngắn hạn có thời hạn 5 tháng (thời điểm vay là tháng 8 năm 2012) thuộc hợp đồng số 06/HĐTD ngày 01/06/2012 và phụ lục hợp đồng tháng 8 năm 2012 của Công ty được Ngân hàng TMCP Công Thương VN Chi nhánh 12 gia hạn thời gian trả nợ đến tháng 1 năm 2014.

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của Chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>255.227.670.000</b>	<b>255.227.670.000</b>	<b>3.254.265.000</b>	<b>3.254.265.000</b>	<b>2.967.606.986</b>	<b>1.148.393.326</b>	<b>8.366.685.354</b>	<b>5.429.637.572</b>	<b>155.844.658</b>	<b>14.685.456.287</b>	<b>291.235.559.183</b>							
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(9.928.884.167)	-	-	-	-	(9.928.884.167)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	734.272.814	-	-	(1.027.981.940)	-	-	-	-	(1.027.981.940)	-	-
Hoàn nhập CLTG	-	-	-	-	-	(1.148.393.326)	-	-	-	-	(1.148.393.326)	-	-	-	-	(1.148.393.326)	-	-
CLTG cuối năm	-	-	-	-	-	(1.284.541.661)	-	-	-	-	(1.284.541.661)	-	-	-	-	(1.284.541.661)	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	3.000.000	-	-	3.000.000	-	-	-	-	3.000.000	-	-
Giảm do nộp thuế	-	-	-	-	-	-	-	(325.058.559)	-	-	(325.058.559)	-	-	-	-	(325.058.559)	-	-
Phạt chậm nộp thuế	-	-	-	-	-	-	-	(19.839.149)	-	-	(19.839.149)	-	-	-	-	(19.839.149)	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>255.227.670.000</b>	<b>255.227.670.000</b>	<b>3.254.265.000</b>	<b>3.254.265.000</b>	<b>2.967.606.986</b>	<b>(1.284.541.661)</b>	<b>8.366.685.354</b>	<b>5.822.012.678</b>	<b>155.844.658</b>	<b>2.994.317.366</b>	<b>277.503.860.381</b>							
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(24.286.167.442)	-	-	-	-	(24.286.167.442)	-	-
Đánh giá CLTG cuối năm	-	-	-	-	-	(587.259.757)	-	-	-	-	(587.259.757)	-	-	-	-	(587.259.757)	-	-
Kết chuyển CLTG cuối năm tài chính	-	-	-	-	-	587.259.757	-	-	-	-	587.259.757	-	-	-	-	587.259.757	-	-
Hoàn nhập CLTG	-	-	-	-	-	1.284.541.661	-	-	-	-	1.284.541.661	-	-	-	-	1.284.541.661	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>255.227.670.000</b>	<b>255.227.670.000</b>	<b>3.254.265.000</b>	<b>3.254.265.000</b>	<b>2.967.606.986</b>	<b>-</b>	<b>8.366.685.354</b>	<b>5.822.012.678</b>	<b>155.844.658</b>	<b>(21.291.850.076)</b>	<b>254.502.234.600</b>							

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm		Tỷ lệ	
	VND	(%)	VND	(%)		
Ông Bùi Quang Mẫn	37.554.410.000	14,71%	37.554.410.000	14,71%		
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	19.913.310.000	7,80%	19.913.310.000	7,80%		
Bà Nguyễn Thị Thu	18.214.790.000	7,14%	18.214.790.000	7,14%		
Vốn góp của cổ đông khác	179.545.160.000	70,35%	179.545.160.000	70,35%		
	<b>255.227.670.000</b>	<b>100%</b>	<b>255.227.670.000</b>	<b>100%</b>		



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	255.227.670.000	255.227.670.000
- Vốn góp cuối năm	255.227.670.000	255.227.670.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.522.767	25.522.767
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.522.767	25.522.767
- Cổ phiếu phổ thông	25.522.767	25.522.767
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.522.767	25.522.767
- Cổ phiếu phổ thông	25.522.767	25.522.767
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán thành phẩm	228.534.583.021	218.077.509.270
Doanh thu bán hàng hóa	346.349.816.413	679.159.073.948
Doanh thu bán phế phẩm, nguyên vật liệu	22.571.770.572	70.495.339.968
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.497.793.929	11.235.858.335
	<b>612.953.963.935</b>	<b>978.967.781.521</b>

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chiết khấu thương mại	58.291.026	121.660.547
Hàng bán bị trả lại	246.931.003	378.693.477
	<b>305.222.029</b>	<b>500.354.024</b>

25 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	228.287.652.018	217.698.815.793
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	346.291.525.387	679.037.413.401
Doanh thu thuần về bán phế phẩm, nguyên vật liệu	22.571.770.572	70.495.339.968
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	15.497.793.929	11.235.858.335
	<b>612.648.741.906</b>	<b>978.467.427.497</b>

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	198.724.453.268	297.978.661.801
Giá vốn của hàng hóa đã bán	335.919.806.007	520.478.649.000
Giá vốn bán phế phẩm, nguyên vật liệu	15.390.115.531	67.308.933.012
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.627.675.499	-
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	225.118.763	1.228.204.439
	<b>552.887.169.068</b>	<b>886.994.448.252</b>

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	104.391.375	742.670.328
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.381.302.414	-
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	-	12.923.547.440
Cổ tức, lợi nhuận được chia	660.160.913	1.625.517.795
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	439.712.986	1.643.684.563
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.574.506	-
	<b>4.589.142.194</b>	<b>16.935.420.126</b>

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	57.809.113.929	66.190.020.337
Chi phí hoạt động thuê tài chính	-	39.126.096
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.203.662.931	17.399.388.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	587.259.757	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	14.985.986.197
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(7.944.761.538)	-
	<b>51.655.275.079</b>	<b>98.614.520.721</b>



29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	299.049.723	392.322.013
Chi phí nhân công	3.058.621.788	3.869.202.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.132.264	116.149.400
Chi phí bảo hành	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.113.167.374	5.403.877.879
Chi phí khác bằng tiền	704.791.906	866.553.372
	<b>8.262.763.055</b>	<b>10.648.105.343</b>

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	420.650.203	1.023.529.470
Chi phí nhân công	8.300.166.532	10.122.093.436
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.661.827.979	9.009.988.538
Thuế, phí, lệ phí	1.552.344.872	537.541.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.010.429.613	257.949.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.843.393.441	2.478.874.828
Chi phí khác bằng tiền	6.097.992.502	5.828.025.570
	<b>29.886.805.142</b>	<b>29.258.002.769</b>

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	781.529.251	29.741.907.930
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng và điện nước	2.530.750.963	1.788.702.271
Thu nhập từ bồi thường hàng hóa	87.945.455	263.977.772
Thu nhập từ hoàn thuế xuất khẩu	338.790.447	497.171.349
Nhà cung cấp hỗ trợ các khoản phí Marketing	195.533.264	-
Thu nhập khác	359.962.357	147.166.948
	<b>4.294.511.737</b>	<b>32.438.926.270</b>

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí và giá trị còn lại thanh lý tài sản	761.338.246	11.238.610.988
Chi phí từ cho thuê mặt bằng và điện nước	501.217.834	452.933.838
Phạt vi phạm hợp đồng	54.545.455	-
Phạt chậm nộp thuế	1.774.399	-
Chi phí khác	41.592.330	28.741.316
	<b>1.360.468.264</b>	<b>11.720.286.142</b>

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(22.520.084.771)</b>	<b>(9.393.589.334)</b>
- Lợi nhuận trước thuế tại Văn phòng Công ty	(28.358.015.140)	(16.489.131.435)
- Lợi nhuận trước thuế tại Chi nhánh Bình Dương	5.837.930.370	7.095.542.101
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>1.549.007.106</b>	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(660.160.913)</b>	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(660.160.913)	-
<b>Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(21.631.238.578)</b>	<b>(9.393.589.334)</b>
- Thu nhập chịu thuế tại Văn phòng Công ty	(28.695.569.261)	(16.489.131.435)
- Thu nhập chịu thuế tại Chi nhánh Bình Dương	7.064.330.684	7.095.542.101
+ Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động kinh doanh chính	(4.081.090.898)	7.077.661.096
+ Thu nhập khác	11.145.421.581	17.881.005
Thuế TNDN tại VP Công ty	-	-
Thuế TNDN tại Chi nhánh Bình Dương	-	-
- Thuế TNDN từ hoạt động SXKD chính (thuế suất 15%)	-	1.061.649.164
- Thuế TNDN từ thu nhập khác (thuế suất 25%)	1.766.082.671	4.470.251
- Thuế TNDN miễn giảm 50% từ hoạt động SXKD chính	-	(530.824.582)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.766.082.671</b>	<b>535.294.833</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(331.392.714)	(350.958.416)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(446.599.132)	(515.729.131)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm<sup>(1)</sup></b>	<b>988.090.825</b>	<b>(331.392.714)</b>

<sup>(1)</sup> Trong đó số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm của Chi nhánh Bình Dương là 1.328.045.321 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp dư tại Văn phòng Công ty là 339.954.496 đồng.



**34 . LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(24.286.167.442)	(9.928.884.167)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(24.286.167.442)	(9.928.884.167)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	25.522.767	25.522.767
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(952)</b>	<b>(389)</b>

**35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.245.705.055	249.878.721.156
Chi phí nhân công	17.382.533.198	28.472.827.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.694.632.615	11.100.745.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.625.632.048	12.274.467.158
Chi phí khác bằng tiền	9.315.634.079	8.536.356.184
	<b>252.264.136.996</b>	<b>310.263.117.228</b>

**36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.385.949.332	-	2.450.358.251	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	258.800.521.000	(6.268.379.540)	227.095.315.278	(257.949.927)
Các khoản cho vay	-	-	2.299.789.976	-
Đầu tư dài hạn	45.305.578.754	(1.841.744.090)	49.970.368.754	-
	<b>311.492.049.086</b>	<b>(8.110.123.630)</b>	<b>281.815.832.259</b>	<b>(257.949.927)</b>

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	385.443.509.016	466.814.363.438
Phải trả người bán, phải trả khác	44.839.822.675	53.972.287.661
Chi phí phải trả	17.455.373.153	276.479.531
	<b>447.738.704.844</b>	<b>521.063.130.630</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.385.949.332	-	-	7.385.949.332
Phải thu khách hàng, phải thu khác	252.532.141.460	-	-	252.532.141.460
Đầu tư dài hạn	-	43.463.834.664	-	43.463.834.664
	<b>259.918.090.792</b>	<b>43.463.834.664</b>	-	<b>303.381.925.456</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.450.358.251	-	-	2.450.358.251
Phải thu khách hàng, phải thu khác	226.837.365.351	-	-	226.837.365.351
Các khoản cho vay	-	2.299.789.976	-	2.299.789.976
Đầu tư dài hạn	-	49.970.368.754	-	49.970.368.754
	<b>229.287.723.602</b>	<b>52.270.158.730</b>	-	<b>281.557.882.332</b>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
Vay và nợ	279.765.986.483	6.522.491.139	99.155.031.394	385.443.509.016
Phải trả người bán, phải trả khác	37.643.209.675	7.196.613.000	-	44.839.822.675
Chi phí phải trả	17.455.373.153	-	-	17.455.373.153
	<b>334.864.569.311</b>	<b>13.719.104.139</b>	<b>99.155.031.394</b>	<b>447.738.704.844</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>				
Vay và nợ	361.344.171.822	6.029.056.800	99.441.134.816	466.814.363.438
Phải trả người bán, phải trả khác	53.972.287.661	-	-	53.972.287.661
Chi phí phải trả	276.479.531	-	-	276.479.531
	<b>415.592.939.014</b>	<b>6.029.056.800</b>	<b>99.441.134.816</b>	<b>521.063.130.630</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**37 . THÔNG TIN KHÁC**

*Cơ cấu lại nợ vay ngắn hạn*

Ngày 12/10/2012, Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam đã chấp thuận gia hạn lại khoản nợ vay ngắn hạn đến hạn trả của 4 khế ước số tiền 438.560,21 USD thuộc hợp đồng tín dụng số 10/2012/10K/HĐHMTD/TCB-DSG ngày 23/05/2012, theo đó thời gian được gia hạn đến tháng 2 và tháng 3 năm 2013 (thời hạn cũ là tháng 10 và tháng 11 năm 2012)

Tháng 8 năm 2012, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh 12 chấp thuận gia hạn cho các khoản nợ vay ngắn hạn thuộc hợp đồng số 06/HĐTD ngày 01/06/2012 theo hợp đồng sửa đổi bổ sung cho các khế ước vay với tổng số dư nợ 226,30 tỷ đồng, theo hợp đồng sửa đổi, hạn mức được thay đổi là 245 tỷ đồng, từ tháng 8/2012 đến tháng 7/2013, mỗi tháng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông phải trả cho Ngân hàng một phần lãi vay là 1,15 tỷ đồng, từ tháng 8/2013 trở đi Công ty phải trả số lãi phát sinh tính theo số dư nợ thực tế tại thời điểm tính lãi.

*Cơ cấu lại nợ vay dài hạn*

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh 12 chấp thuận cơ cấu lịch trả nợ vay dài hạn của hợp đồng số 98/HĐTD ngày 28/09/2007 và hợp đồng số 131/HĐTD ngày 20 tháng 07/2010 theo hợp đồng sửa đổi bổ sung tháng 8 năm 2012, theo đó, Công ty sẽ phải trả khoản nợ vay mỗi quý trong năm 2013 của hợp đồng số 98/HĐTD ngày 28/09/2007 là 20 triệu đồng và 500 USD, hợp đồng số 131/HĐTD ngày 20 tháng 07/2010 là 15 triệu đồng.

Từ tháng 8/2012 đến tháng 12/2013, Công ty phải trả lãi vay dài hạn của 2 hợp đồng cho ngân hàng là 40 triệu đồng/tháng và 500 USD/tháng. Phần lãi phát sinh còn lại chưa trả của mỗi tháng sẽ cộng dồn và chia trả trong 12 tháng từ tháng 1/2014 đến tháng 12/2014, mỗi tháng trả thêm 1/12 phần lãi cộng dồn và lãi phát sinh trong tháng đó.

*Đầu tư xây dựng cơ bản*

Công ty thuê diện tích 114.618 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với mục đích xây dựng nhà xưởng và các công trình kiến trúc phục vụ sản xuất, đơn giá thuê trước thuế là 36 USD/m<sup>2</sup>. Theo dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng kho bãi cho thuê của Công ty lập ngày 1/7/2007 thì tổng vốn đầu tư cho toàn bộ dự án tại Bình Dương là 203.000.000.000 đồng, trong đó gồm các khoản chi phí: chi phí thuê đất dài hạn 68,82 tỷ đồng, chi phí xây dựng văn phòng và bếp ăn 11,2 tỷ đồng, Nhà xưởng, nhà kho 84,9 tỷ đồng và các công trình nội bộ khác.

Các hạng mục lớn đã thực hiện xong và đã tăng tài sản trích khấu hao, đến thời điểm 31/12/2012 chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang theo dõi công trình lớn: Hệ thống thoát nước khu vực II có giá trị xây dựng lũy kế là 4,97 tỷ và công trình nhà văn phòng với tổ hợp kiểu nhà chữ Đinh và nhà Gổ có giá trị xây dựng lũy kế 13,34 tỷ đồng, 2 công trình này đang trong giai đoạn xây lắp.

**38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

*Di dời hoạt động sản xuất kinh doanh in ấn*

Theo biên bản họp HĐQT số 02-13/BB/HĐQT ngày 11/01/2013 và quyết định của Ban Tổng Giám đốc số 09-13/VID-HĐQT ngày 11/01/2013 về việc di dời hoạt động sản xuất kinh doanh in ấn của Công ty tại TP.HCM về Chi nhánh Bình Dương bao gồm các hoạt động sau:

- Các hợp đồng thu mua nguyên vật liệu, hợp đồng gia công phục vụ sản xuất, các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, các hợp đồng vận chuyển
- Các máy móc thiết bị liên quan đến lĩnh vực in ấn
- Đối với xưởng in Offset 2, chi nhánh Bình Dương sẽ tiến hành các thủ tục pháp lý xin cấp giấy phép in ấn cho các loại giấy tờ giao dịch hành chính của các doanh nghiệp và giấy tờ quản lý kinh tế xã hội
- Đối với hàng hoá xuất khẩu, chi nhánh Bình Dương sẽ tiến hành đăng ký phần mềm với Hải Quan làm thủ tục xuất nhập khẩu trực tiếp để nhập khẩu hàng hoá và làm thủ tục hoàn thuế xuất khẩu.

*Chuyển nhượng tài sản*

Hội đồng Quản trị Công ty đã Quyết nghị thông qua việc chuyển nhượng 1 phần tài sản Chi nhánh Bình Dương của Công ty để thực hiện việc liên doanh liên kết hoặc góp vốn đầu tư với đối tác tiềm năng trong hoặc ngoài nước theo Nghị quyết số 04-13/NQ/HĐQT-VID ngày 16/01/2013. Hội đồng quản trị cũng đã giao Ban Tổng Giám đốc thay mặt Công ty thực hiện tìm kiếm đối tác, đàm phán quyết định giá chuyển nhượng hoặc góp vốn liên kết đầu tư bằng tài sản tại Chi nhánh Bình Dương không thấp hơn giá trị sổ sách nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và Công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị chính thức chấp thuận bằng văn bản việc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị được tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng 1 phần tài sản chi nhánh Bình Dương của Công ty để thực hiện việc liên doanh liên kết hoặc góp vốn đầu tư với đối tác có tiềm năng trong và ngoài nước theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông số 15.13/NQ/HĐQT-VID ngày 07 tháng 03 năm 2013.

*Cần trừ Công nợ*

Theo biên bản đối chiếu và cần trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Viễn Đông và Công ty XNK ngành in TP. HCM ngày 31 tháng 01 năm 2013, hai bên đã thực hiện đối chiếu và cần trừ công nợ tại ngày 31/01/2013 số tiền 14.631.424.164 đồng (số dư nợ phải thu Công ty XNK ngành in TP. HCM tại ngày 31/12/2012 là 14.631.424.164 đồng), theo đó sau khi cần trừ công nợ, tại ngày 31/01/2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Viễn Đông còn phải trả Công ty XNK ngành In TP.HCM số tiền 146.421.641 đồng.

**39 . THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Số dư nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 lớn hơn số dư tài sản ngắn hạn là 23.984.580.904 đồng, nội dung này gây ra sự nghi ngờ đáng kể về tính phù hợp của việc giá định về hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.



**40 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh Giấy		Giấy Lười gá thành phẩm		Tút và phòng thuốc lá thành phẩm		Dịch vụ cho thuê kho		Hoạt động kinh doanh khác		Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	355.124.322.324	10.800.467.474	225.118.124.744	15.497.793.929	6.108.033.435	612.648.741.906	-	-	-	-	-	612.648.741.906	-	-	-	612.648.741.906
Doanh thu thuần từ bán hàng nội bộ	86.180.711.960	8.630.431.350	76.984.726.555	-	-	175.293.689.186	-	-	3.497.819.321	(175.293.689.186)	-	175.293.689.186	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.045.678.639</b>	<b>1.647.138.519</b>	<b>41.055.129.160</b>	<b>12.870.118.430</b>	<b>(4.856.491.910)</b>	<b>59.761.572.839</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>59.761.572.839</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>59.761.572.839</b>
<b>Tổng chi phí mua TSCĐ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.643.481.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.643.481.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.643.481.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.643.481.000</b>
Tài sản bộ phận	271.254.099.439	8.249.705.509	171.951.652.861	11.837.657.607	4.665.490.377	467.958.605.793	-	-	4.665.490.377	-	-	467.958.605.793	-	-	-	467.958.605.793
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	263.070.632.943
<b>Tổng tài sản</b>	<b>271.254.099.439</b>	<b>8.249.705.509</b>	<b>171.951.652.861</b>	<b>11.837.657.607</b>	<b>4.665.490.377</b>	<b>731.029.238.736</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.665.490.377</b>	<b>4.665.490.377</b>	<b>-</b>	<b>731.029.238.736</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>731.029.238.736</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	218.639.908.467	6.649.539.532	138.598.803.558	9.541.549.348	3.760.541.836	377.190.342.741	-	-	3.760.541.836	-	-	377.190.342.741	-	-	-	377.190.342.741
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	99.336.661.394	-	-	99.336.661.394	-	-	-	-	-	99.336.661.394	-	-	-	99.336.661.394
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>218.639.908.467</b>	<b>6.649.539.532</b>	<b>237.935.464.952</b>	<b>9.541.549.348</b>	<b>3.760.541.836</b>	<b>476.527.004.135</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.760.541.836</b>	<b>3.760.541.836</b>	<b>-</b>	<b>476.527.004.135</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>476.527.004.135</b>

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

	Xuất khẩu nước ngoài		Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	746.280.946.740	41.661.484.352	787.942.431.092	(175.293.689.186)	612.648.741.906	-	612.648.741.906	-
Tài sản bộ phận	467.958.605.793	-	467.958.605.793	-	467.958.605.793	-	467.958.605.793	-
Tổng chi phí mua tài sản cố định	30.643.481.000	-	30.643.481.000	-	30.643.481.000	-	30.643.481.000	-

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Tổng hợp Hưng Phú	Công ty liên kết	42.351.425.920	14.373.668.778
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết	4.641.865.527	33.012.411.984
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cổ đông lớn	246.867.762.747	366.305.613.762
- Công ty CP Sách và Dịch vụ VH Tây Đô	Công ty liên kết	15.925.680.542	33.973.561.987
- Công ty CP TMDV Văn hoá Thanh Trúc	Công ty liên kết	-	14.953.710.508
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Giáo dục Viễn Đông	Công ty liên kết	2.640.000	3.760.000
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>			
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Tổng hợp Hưng Phú	Công ty liên kết	16.703.517.107	16.624.699.960
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết	17.168.376.593	30.509.954.297
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cổ đông lớn	121.685.950.345	344.707.010.030
- Công ty CP TMDV Văn hoá Thanh Trúc	Công ty liên kết	5.098.500.000	-
<b>Góp vốn</b>			
- Công ty CP Sách và Dịch vụ VH Tây Đô	Công ty liên kết	10.389.610.000	-
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Giáo dục Viễn Đông	Công ty liên kết	-	15.047.248.000
<b>Lãi cho vay</b>			
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết	132.041.667	-
<b>Thu lại tiền vay</b>			
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết	2.299.789.976	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Tổng hợp Hưng Phú	Công ty liên kết	31.482.000	9.106.775.434
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết	-	15.447.326.317
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cổ đông lớn	207.170.342.447	87.709.603.897
- Công ty CP Sách và Dịch vụ VH Tây Đô	Công ty liên kết	11.778.375	7.296.629.611
- Công ty CP TMDV Văn hoá Thanh Trúc	Công ty liên kết	151.445.553	9.846.740.772
<b>Phải trả</b>			
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Tổng hợp Hưng Phú	Công ty liên kết	-	72.462.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cổ đông lớn	-	9.000.001
- Công ty CP Sách và Dịch vụ VH Tây Đô	Công ty liên kết	-	842.750



**Phải thu lãi cho vay, lãi chậm trả**

- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng Công ty liên kết 817.985.560 377.506.000

**Phải thu tiền cho vay**

- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng Công ty liên kết - 2.299.789.976

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
<b>Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</b>		
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	58.800.000	144.000.000
- Thu nhập từ tiền thù lao Chủ tịch HĐQT	221.187.500	402.032.000
<b>Thu nhập Ban Tổng Giám đốc</b>		
- Thu nhập từ tiền lương, thưởng	1.544.706.837	1.404.781.820

**Đảm bảo khoản vay của Công ty**

Ông Bùi Quang Mẫn Chủ tịch hội đồng quản trị và Bà Nguyễn Thị Thu phó chủ tịch thứ nhất hội đồng quản trị là chủ sở hữu của Quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 3015 m2 thuộc thửa 512, 558 tại xã Tân Xuân, huyện Hóc môn, TP. HCM làm bên thứ 3 đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 06/HDTD ngày 01/06/2012.

Bà Nguyễn Thị Thu phó chủ tịch thứ nhất hội đồng quản trị nắm giữ số lượng 606.761 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng tương ứng số tiền 6.067.610.000 đồng làm bên thứ 3 để đảm bảo khoản vay của hợp đồng tín dụng số 521A/2012/HD ngày 02/07/2012 tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - Sở giao dịch II.

**42 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh làm số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) kiểm toán. Số liệu so sánh đã được trình bày và điều chỉnh lại do các sự kiện phát sinh cụ thể sau:

I. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

		Mã số	Phân loại và trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Hàng tồn kho	(1)	141	186.699.198.218	189.573.602.147
Tài sản cố định hữu hình		221	156.775.715.133	97.683.064.860
Nguyên giá	(2)	222	233.277.237.880	172.467.925.396
Giá trị hao mòn lũy kế	(2)	223	(76.501.522.747)	(74.784.860.536)
Tài sản cố định vô hình		227	41.581.950	63.497.298.543
Nguyên giá	(3)	228	175.482.723	66.650.191.085
Giá trị hao mòn lũy kế	(3)	229	(133.900.773)	(3.152.892.542)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(4)	230	22.946.144.722	84.548.575.382
Chi phí trả trước dài hạn	(1)+(3)+(4)	261	69.067.665.582	3.890.206.842
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(1)	319	1.863.384.683	3.124.316.465
<b>Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</b>				
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	(1)		1.260.931.782	-

<sup>(1)</sup> Trình bày lại giá trị hàng ký gửi của khách hàng tại Công ty tại thời điểm 31/12/2011 chưa được theo dõi riêng trên tài khoản ngoại bảng làm giá trị hàng tồn kho và khoản phải trả phải nộp khác tăng lên giá trị 1.260.931.782 đồng, giá trị hàng tồn kho là Công cụ dụng cụ đã xuất sử dụng nhưng giá trị còn lại của CCDC đang trình bày trong giá trị hàng tồn kho chưa được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ số tiền 1.613.472.147 VND

<sup>(2)</sup> Trình bày lại tăng Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là máy lạnh Công ty đang trình bày trên chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang số tiền 22.585.000 đồng. Giá trị chênh lệch còn lại 60.786.727.484 đồng do điều chỉnh hồi tố (xem chi tiết nội dung ở mục 2.2)

<sup>(3)</sup> Trình bày lại khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 114.618 m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số 42/HĐTD/ST3 ngày 28/11/2007 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28/01/2008 giữa Công ty Cổ phần Giấy Viền Đông (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông) và Công ty Cổ phần Đại Nam, thời hạn thuê tính từ ngày 29 tháng 05 năm 2007 đến hết tháng 12 năm 2055 với mục đích xây dựng nhà xưởng và các công trình kiến trúc phục vụ sản xuất, đơn giá thuê trước thuế là 36 USD/m<sup>2</sup>. Giá trị trình bày sang chi phí trả trước dài hạn là 63.455.716.593 VND.

<sup>(4)</sup> Trình bày lại các khoản chi phí công cụ dụng cụ phục vụ cho máy in ống đồng sang chi phí trả trước dài hạn từ chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang số tiền 108.270.000 đồng, giá trị chênh lệch còn lại là do phân loại tài sản 22.585.000 đồng và điều chỉnh hồi tố tăng tài sản 60.786.727.484 đồng (chi tiết 2.2) và tăng chi phí lãi vay 684.848.176 đồng (chi tiết tại 2.1)

2. Các nội dung dưới đây được Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 do các sai sót trọng yếu ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

2.1. Khoản chi phí lãi vay vốn hóa vào chi phí đầu tư máy in ống đồng 9 màu chưa phù hợp với chuẩn mực kế toán số 16 - chi phí đi vay số tiền 684.848.176 đồng làm chỉ tiêu chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán giảm 684.848.176 VND.

2.2. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là Máy in ống đồng 9 màu có giá trị 60.786.727.484 VND đã đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ hữu hình nhưng chưa được ghi nhận tăng tài sản cố định trong năm 2011, tương ứng với việc tăng nguyên giá, giá trị khấu hao được ghi nhận tương ứng là 1.716.662.211 VND, làm chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán giảm 1.716.662.211 VND và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản giảm 60.786.727.484 đồng.

2.3. Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố nêu trên làm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2011 giảm 2.401.510.387 VND, làm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp giảm 180.113.279 đồng, chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối tăng lên 180.113.279 đồng tương ứng.

2.4. Cộng các sai sót nêu trên, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011 giảm 2.221.397.108 VND làm lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán giảm khoản tương ứng.

Mã số	Trình bày trên báo cáo năm nay	Trình bày trên báo cáo tài chính năm trước		Số điều chỉnh hồi tố
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>				
Tài sản cố định hữu hình	221	156.775.715.133	97.683.064.860	59.092.650.273
Nguyên giá	222	233.277.237.880	172.467.925.396	60.809.312.484
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(76.501.522.747)	(74.784.860.536)	(1.716.662.211)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	22.946.144.722	84.548.575.382	(61.602.430.660)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.630.674.135	1.810.787.414	(180.113.279)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2.994.317.366	5.215.714.474	(2.221.397.108)



**Báo cáo kết quả kinh doanh**

Giá vốn hàng bán	11	886.994.448.252	885.277.786.041	1.716.662.211
Chi phí tài chính	22	98.614.520.721	97.929.672.545	684.848.176
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	<i>66.190.020.274</i>	<i>65.505.172.098</i>	<i>684.848.176</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(9.393.589.334)	(6.992.078.947)	(2.401.510.387)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	535.294.833	715.408.112	(180.113.279)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(9.928.884.167)	(7.707.487.059)	(2.221.397.108)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(389)	(302)	(87)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

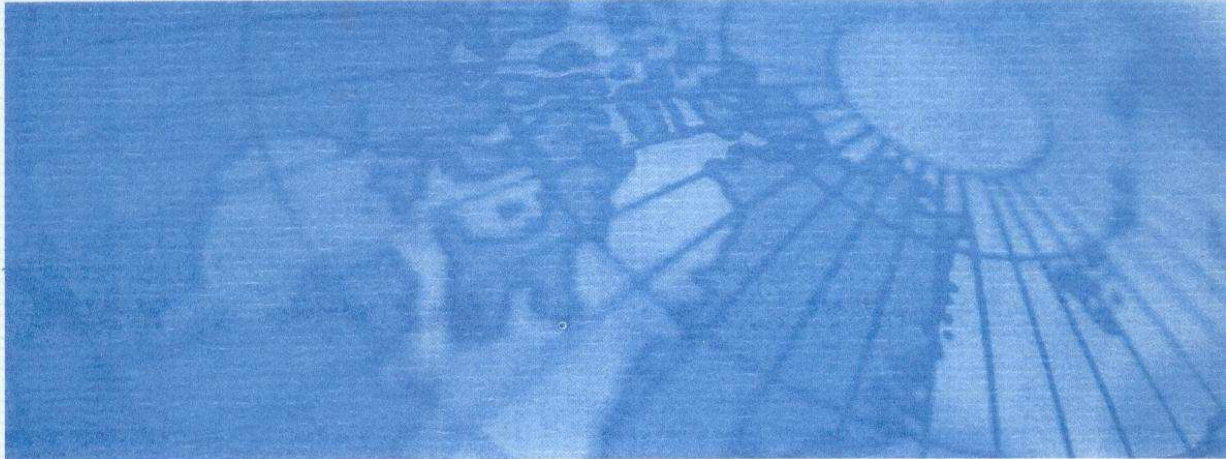
Tiền chi nộp thuế TNDN	05	(515.729.131)	-	(515.729.131)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(783.639.362.251)	(784.155.091.382)	515.729.131



**Bùi Văn Thủy**  
Kế toán trưởng



**Bùi Quang Mẫn**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2013



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
*AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)*

**TRỤ SỞ CHÍNH:**

Số 01 Lê Phụng Hiểu,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel.: +84-4-3824-1990/1  
Fax: +84-4-3825-3973  
E-mail: [aaschn@hn.vnn.vn](mailto:aaschn@hn.vnn.vn)  
Website: [www.aasc.com.vn](http://www.aasc.com.vn)

**CHI NHÁNH TẠI TP.HỒ CHÍ MINH:**

Số 17 Đường Sông Thương, Phường 2,  
Quận Tân Bình, TP. HCM  
Tel.: +84-8-3848-5983 | +84-8-3848-5776  
Fax: +84-8-3547-1838

**VPĐD TẠI QUẢNG NINH:**

Số 8 Đường Chu Văn An  
TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh  
Tel.: +84-33-362-7571  
Fax: +84-33-362-7572  
E-mail: [aascqn@aasc.com.vn](mailto:aascqn@aasc.com.vn)